TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Bà Nguyễn Thị Lê .
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B không tham gia phiên toà.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1964. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn E, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.
2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn E, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông trình bày:***

Ông và bà Hoàng Thị T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2016; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không tin tưởng, chia sẻ và thường xuyên cãi vã, xô xát. Năm 2022 bà T làm đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện B nhưng sau đó rút đơn về đoàn

tụ. Tuy nhiên, sau khi về sống thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nhưng không thể hàn gắn. Ông thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt và không còn tình cảm, vì vậy yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Vũ Hoàng T1, sinh ngày 20/3/2019. Ông có nguyện vọng để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà T quá trình giải quyết vụ án trình bày:*** Xác nhận về quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn như ông H trình bày là đúng. Năm 2021 bà làm đơn ly hôn nhưng cũng rút đơn về. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng cũng có bà T lời khai chưa đồng ý ly hôn do chưa chưa thỏa thuận xong về phân chia tài sản.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung như ông H trình bày là đúng. Bà thống nhất theo ý kiến ông H, yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H có 01 thửa đất và nhà ở, hiện nay đang thỏa thuận, bà có nguyện vọng lấy đất và nhà để cho con ở, không ai được phép bán. Hiện nay chưa làm đơn yêu cầu chia. Nếu sau này ông H không đồng ý thì sẽ làm đơn trong vụ việc khác. Bà và ông H không yêu cầu giải quyết nợ chung.

Tại phiên tòa bà T xác nhận quá trình giải quyết vụ việc các bên đã tự thương lượng được với nhau giải quyết toàn nội dung vụ việc; Tòa án đã lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận các đương sự, nhưng sau đó hai bên lại phát sinh về việc chưa thỏa thuận chia tài sản nên bà làm đơn thay đổi nội dung hòa giải. Khẳng định mâu thuẫn trầm trọng, nhưng chỉ đồng ý thuận tình ly hôn khi ông H phân chia tài sản theo ý kiến của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu ly hôn của ông H: Hội đồng xét xử nhận thấy ông H và bà T tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2016 ngày 26/02/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn: Các bên xác nhận trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người một tính cách, thiếu sự tế nhị trong ứng xử, không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình, nên xảy ra cãi vã và xô xát. Bà T cũng đã từng làm đơn khởi kiện chấm dứt hôn nhân nhưng sau đó rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, khi về sống chung không lâu lại thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có nhiều thời gian sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều xác nhận xảy ra mâu thuẫn gia đình. Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng các bên không đồng ý đoàn tụ gia đình. Tại phiên hòa giải ngày 12/12/2023 các đương sự đã tự nguyện thống nhất được với nhau giải quyết vụ việc, trong đó bà T đồng ý thuận tình ly hôn với ông H; bà T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con Vũ Hoàng T1, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu từ tháng 12/2023; các bên không yêu cầu giải quyết chia tài sản, nợ chung. Tuy nhiên, ngày 18/12/2023 bà T thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với lý do chưa thống nhất chia tài sản xong. Ngoài ra không còn lý do nào khác. Từ đó đến nay hai bên vẫn tiếp tục sống ly thân.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự thể hiện có 01 con chung là Vũ Hoàng T1, sinh ngày 20/3/2019.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên đều cho ý kiến để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi thành niên. Quá trình sống ly thân trong thời gian vừa qua bà T đã trực tiếp nuôi con chung cho đến nay.

Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần thiết giao con cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông H cấp dưỡng nuôi con với số tiền các bên thỏa thuận là phù hợp. Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Văn H đối với bị đơn Hoàng Thị T; ông Vũ Văn H được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng T1, sinh ngày 20/3/2019 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Vũ Văn H phải cấp dưỡng cho con chung Vũ Hoàng T1 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi thành niên, bắt đầu từ ngày xét xử sơ thẩm (07/3/2024).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001272 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Số tiền còn nộp thêm là 300.000đ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã Th;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình